

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế** ; Chuyên ngành: **Kinh tế học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Vũ Văn Hưởng**

2. Ngày tháng năm sinh: **10/12/1979**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Tổ DP Trù 2, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Nhà số 8, Ngõ 108/43, Đường Trần Phú, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983348328;

E-mail: huongvv@vnu.edu.vn; huongaofvn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/2003 đến 9/2010: Giảng viên Bộ Môn Kinh Tế Lượng, Học Viện Tài Chính.
- Từ Tháng 10/2010 đến 8/2014: Nghiên cứu sinh (tiến sĩ) Đại học tổng hợp Waikato, New Zealand
- Từ Tháng 9/2014 đến 9/2018: Giảng Viên Khoa Kinh Tế, Học Viện Tài Chính

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ Tháng 10/2018 đến nay: Giảng Viên Khoa Kinh Tế Phát triển, trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
- Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn Thống Kê và Phương Pháp Nghiên cứu Kinh tế- Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn Thống Kê và Phương Pháp Nghiên cứu Kinh tế
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh Tế Phát Triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Địa chỉ cơ quan: Phòng 711, tòa E4, số 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 02437547506

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 06 năm 2002

Số văn bằng: B366612

Chuyên ngành: Thống Kê Kinh Tế-Xã Hội

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 25 tháng 05 năm 2008

Số văn bằng: A0038813

Chuyên ngành: Kinh tế học

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 07 năm 2014

Số văn bằng: 1138535 (mã Nghiên cứu sinh)

Chuyên ngành: Kinh tế học

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Waikato, New Zealand.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng ... năm ..., ngành

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu chuyên sâu của tôi bao gồm:

Thứ nhất, phân tích năng suất và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp;

Thứ hai, nghiên cứu về sinh kế và mức sống hộ gia đình

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **01 NCS** bảo vệ thành công luận án TS; Đã hướng dẫn **07** học viên cao học bảo vệ thành công và đã nhận bằng Thạc sĩ; hiện đang hướng dẫn **02** nghiên cứu sinh tại trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN và **01** nghiên cứu sinh tại trường Lincoln-Vương Quốc Anh.

- Đã hoàn thành và nghiệm thu **03** đề tài NCKH các cấp. Cụ thể:

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước mã số 502.01-2016.11 (quỹ Nafosted, nghiệm thu năm 2019).

+ Thành viên 01 đề tài cấp Nhà nước mã số 502.99-2015.10 (quỹ Nafosted, nghiệm thu năm 2019).

+ Thành viên 01 đề tài cấp ĐHQGHN mã số QG 15.40 (nghiệm thu năm 2017).

- Đã công bố được **44** công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó: **29** bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, và **09** bài là tác giả chính. Ứng viên cũng công bố **12** bài báo khoa học trong nước, đồng chủ biên và tham gia một số sách.

- Đã chủ trì biên soạn các đề cương học phần của chương trình đào tạo cử nhân (phân tích năng suất và hiệu quả), và chương trình đào tạo tiến sĩ (phương pháp nghiên cứu định lượng)

15. Khen thưởng:

- **Giấy khen** của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế cho danh hiệu Giảng viên xuất sắc năm học 2019-2020 theo Quyết định số 2172/QĐ-ĐHKT ngày 12/08/2020.

- **Bằng khen** của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho Giảng viên có thành tích xuất sắc trong Nghiên cứu khoa học và Đăng ký sở hữu trí tuệ năm học 2020-2021 theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/2/2022.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

**** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp***

Là giảng viên, Tôi luôn có tư tưởng vững vàng, có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt; Trung thành với tổ quốc, chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Đại học Kinh tế-ĐHQGHN và nơi cư trú; Có lối sống lành mạnh và thực hành tiết kiệm. Hiện Chi bộ Khoa Kinh tế Phát triển, trường Đại học Kinh tế đang hoàn thiện các thủ tục để xét kết nạp Tôi vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

**** Về công tác giảng dạy***

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt định mức giảng dạy theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Kinh Tế-ĐHQGHN. Tôi tham gia giảng dạy các học phần liên quan tới phân tích năng suất hiệu quả, phân tích thống kê, kinh tế lượng, phương pháp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế cho bậc Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ trong toàn trường.

Là giảng viên Đại học, tôi không ngừng tự học, tự rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, các phương pháp sư phạm mới, hiện đại trong quá trình giảng dạy. Trong công tác giảng dạy, tôi luôn tích cực và tham gia với nhiệt huyết cao đối với công việc, thường xuyên giúp đỡ cũng như học hỏi từ đồng nghiệp. Tôi luôn tôn trọng, đối xử công bằng, nhiệt tình với sinh viên và học viên. Trong các năm qua tôi đạt được một số danh hiệu, giấy khen, bằng khen của trường Đại học Kinh tế và ĐHQGHN như Giảng viên xuất sắc, Nghiên cứu khoa học tiêu biểu cấp ĐHQGHN.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy trên lớp, tôi chủ trì biên soạn đề cương của các học phần cho bậc đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ theo hướng lấy người học là trung tâm, đổi mới nội dung giảng dạy, cũng như xây dựng các tài liệu phục vụ đào tạo nhằm gia tăng ứng dụng thực tiễn và phát huy tinh thần tự học và năng lực học tập của sinh viên. Ngoài ra, tôi thường xuyên tham gia các hoạt động đào tạo nội bộ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế cho giảng viên của Khoa, và của trường Đại học Kinh tế. Tôi cũng tham gia hướng dẫn nhiều sinh viên thực hiện niên luận, Khóa luận tốt nghiệp.

*** Về công tác nghiên cứu khoa học**

Tôi tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế. Hiện nay tôi là thành viên Hội đồng biên tập của Tạp chí Kinh tế và Kinh Doanh (Đại học Kinh tế-ĐHQGHN), Tạp chí Khoa học (Đại học Đà Lạt); Thành viên của Hội đồng khoa học ngành Kinh tế - Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia –Nafosted nhiệm kỳ (2019-2021) và nhiệm kỳ (2021-nay); Ngoài ra, tôi cũng tham gia phản biện cho các tạp chí quốc tế và trong nước uy tín.

Tôi đã chủ động tham gia các đề tài nghiên cứu các cấp, viết sách, giáo trình và tài liệu giảng dạy cho hệ đào tạo đại học và sau đại học. Tôi cũng đã nỗ lực trong hoạt động xuất bản các bài viết trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, và tham gia các hội nghị, hội thảo ở Việt Nam và nước ngoài.

Bên cạnh đó, trong thời gian công tác tại Học Viện Tài Chính và sau đó là trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, tôi đã hướng dẫn thành công 01 NCS và 7 học viên cao học (đã nhận bằng Thạc sĩ); hiện đang hướng dẫn 02 NCS tại trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN và 01

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước NCS tại trường Lincoln, Vương Quốc Anh; hướng dẫn 01 số nhóm sinh viên đạt giải nhì NCKH cấp Khoa trong các năm.

Về các hoạt động khác: ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn nhiệt tình và tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể của nhà trường, tham gia chia sẻ các kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm xuất bản quốc tế với các trường Đại học trong nước.

Về phẩm chất đạo đức: tôi luôn có ý thức rèn luyện và phấn đấu về mọi mặt để giữ vững phẩm chất đạo đức của một người giảng viên. Tôi tự nhận thấy mình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm làm giảng viên
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2007-2008					360		360/514,5/270
2	2008-2009					375		375/543/270
3	2009-2010					660		660/948/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			2	3	213	30	243/451.4/216
5	2020-2021		1		7	135	105	240/408/216
6	2021-2022			1	3	294	45	339/434.1/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS Luận án TS tại nước ngoài năm 2014 tại New Zealand.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Minh Tiến		X	X			Đại học Kinh tế- ĐHQGHN	18/1/2022
2	Trương Thị Huệ	X			X		Đại học Kinh tế- ĐHQGHN	27/9/2021
3	Nguyễn Thị Bích Hằng		X	X			Đại học Kinh tế- ĐHQGHN	08/5/2020
4	Nguyễn Hữu Bảo		X	X			Đại học Kinh tế- ĐHQGHN	08/5/2020
5	Vũ Tá Minh Dương		X	X			Đại học Greenwich, Anh (đào tạo tại Viện Đào tạo	03/12/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

							Quốc tế – Học viện Tài Chính)	
6	Nguyễn Thu Thương		X	X			Đại học Greenwich, Anh (đào tạo tại Viện Đào tạo Quốc tế – Học viện Tài Chính)	28/3/2017
7	Đào Thị Lan Chi		X	X			Đại học Greenwich, Anh (đào tạo tại Viện Đào tạo Quốc tế – Học viện Tài Chính)	26/6/2017
8	Trương Thị Thảo		X	X			Đại học Kinh tế- ĐHQGHN	23/1/2017

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Kinh tế lượng	GT	Nhà xuất bản Tài Chính, 2009	6	Tham gia	Chương 5 (trang 129- 152)	Xác nhận của Trường Học Viện Tài Chính
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Bài tập Nguyên Lý Thống kê Kinh Tế	CK	Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2022	9	Đồng chủ biên	Biên soạn Chương 4 (trang 77- 112) và chỉnh sửa cuối cùng nội dung các chương khác	Xác nhận của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

3	Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2021: Định vị lại Việt Nam trong bối cảnh biến động toàn cầu	CK	Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2022	23	Tham gia	Biên soạn 1 phần chương 6 (trang 241-268)	Xác nhận của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
---	---	----	--	----	----------	---	---

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Hoạt động cải tiến và hiệu quả doanh nghiệp ở Việt Nam: Bảng chứng mới từ phân tích kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng	Chủ trì	502.01-2016.11, Cấp nhà nước (quỹ Nafosted)	2017-2019	Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài NCKH ngày 10/5/2020. Xếp loại: Đạt
2	Chất lượng quản trị công cấp tỉnh và phúc lợi hộ gia đình ở Việt Nam: Phân tích kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng	Thành viên chính	502.99-2015.10, Cấp nhà nước (Quỹ Nafosted)	2017-2019	Năm 2019 Xếp loại: Đạt

3	Tham nhũng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Bằng chứng kinh tế lượng mới từ phân tích các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	Thành viên chính	QG 15.40, Đại học Quốc gia Hà Nội	2015-2017	Năm 2017, Xếp loại: Đạt
---	---	------------------	--------------------------------------	-----------	----------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ TIẾN SĨ							
Tạp chí quốc tế								
1	Exports and Firm survival: the first evidence from Vietnam private manufacturing SMEs	2	Tác giả chính	Economics Bulletin ISSN: 1545-2921	Scopus (Q3)	6	33, 2, 1259-1268	2013
2	Farmland Loss and Poverty in Hanoi's Peri-Urban Areas, Vietnam: Evidence from Household Survey Data	2		AGRIS on-line Papers in Economics and Informatics ISSN: 1804-1930	Scopus (Q2)	2	5,4,199-209	2013
3	Firm Exporting and Employee Benefits: First Evidence from Vietnam Manufacturing SMEs	4	Tác giả chính	Economics Bulletin ISSN: 1545-2921	Scopus (Q3)	8	33,1, 519-535	2013

4	Exports and profitability: a note from quantile regression approach	4	Tác giả chính	Applied Economics Letters ISSN: 1350-4851	ISI (SSCI) (IF: 1.30)	41	21 (6), 442-445	2014
5	Farmland loss and livelihood outcomes: a microeconomic analysis of household surveys in Vietnam	4		Journal of the Asia Pacific Economy ISSN: 1469-9648	ISI (SSCI) (IF: 1.20)	50	19 (3), 423-444	2014
6	Farmland loss, nonfarm diversification and inequality among households in Hanoi's peri-urban areas, Vietnam	4		International development planning review ISSN: 1478-3401	ISI (SSCI) (IF: 1.825)	13	36 (3), 357-380	2014
7	The impact of land loss on household income: The case of Hanoi's sub-urban areas, Vietnam	2		International Journal of Business & Society ISSN: 1511-6670.	Scopus (Q3)	15	15 (2)	2014
Tạp chí trong nước								
8	Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế: Nhìn từ mô hình kinh tế lượng	1	Tác giả chính	Tạp chí Tài Chính (Bộ Tài Chính)			12 (518), 35-37	2007
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ TIẾN SĨ							
9	A note on poverty among ethnic minorities in the Northwest region of Vietnam	4		Post-communist economies ISSN 1465-3958	ISI (SSCI) (IF: 2.4)	24	27 (2), 268-281	2015
10	Does firm privatisation benefit local households? The case of Vietnam	4		Post-communist economies ISSN: 1465-3958	ISI (SSCI) (IF: 2.4)	4	27 (4), 547-565	2015

11	Firm exporting and productivity: what if productivity is no longer a black box	4	Tác giả chính	Baltic Journal of Economics ISSN: 1406-099X	ISI (SSCI) (IF: 1.92)	34	16 (2), 95-113	2016
12	Does rising import competition harm local firm productivity in less advanced economies? Evidence from the Vietnam's manufacturing sector	5		The Journal of International Trade & Economic Development ISSN: 1469-9559	ISI (SSCI) (IF: 1.92)	20	25 (1), 23-46	2016
13	Corruption, provincial institutions and manufacturing firm productivity: New evidence from a transitional economy	4		Estudios de Economia ISSN: 0718-5286	ISI (SSCI) (IF: 0.545)	32	43(2), 199-215	2016
14	Factors affecting the intensity of nonfarm participation among ethnic minorities in Northwest Mountains, Vietnam	3		International Journal of Social Economics ISSN: 0306-8293	Scopus (Q2)	8	43(4), 417-430	2016
15	Ethnic minorities in northern mountains of Vietnam: Employment, poverty and income	3		Social Indicators Research ISSN: 0303-8300	ISI (SSCI) (IF: 2.614)	28	134 (1), 93-115	2017
16	Religiosity and subjective well-being among old people: Evidence from a transitional country	4		Applied Research in Quality of Life ISSN: 1871-2576	ISI (SSCI) (IF: 3.078)	27	12 (4), 947-962	2017
17	Does rising import competition harm Vietnam's local firm employment of the 2000s?	4		Economic research-Ekonomska istraživanja	ISI (SSCI) (IF: 3.034)	4	30 (1), 1882-1895	2017

				ISSN: 1848-9664				
18	Does Economic Inequality Affect the Quality of Life of Older People in Rural Vietnam?	3		Journal of Happiness Studies ISSN: 1389-4978	ISI (SSCI) (IF: 3.852)	30	19(3), 781-799	2018
19	Corruption, types of corruption and firm financial performance: New evidence from a transitional economy	4	Tác giả chính	Journal of Business Ethics ISSN: 1573-0697	ISI (SSCI) (IF: 6.96)	135	148 (4), 847-858	2018
20	A microeconomic analysis of housing and life satisfaction among the Vietnamese elderly	2		Quality & quantity ISSN: 1573-7845	ISI (SSCI) (IF: 2.87)	32	52 (2), 849-867	2018
21	Local governance and occupational choice among young people: First evidence from Vietnam	4		Children and Youth Services Review ISSN: 0190-7409	ISI (SSCI) (IF: 2.87)	21	86 (c) , 21-31.	2018
22	Housing satisfaction and its correlates: a quantitative study among residents living in their own affordable apartments in urban Hanoi, Vietnam	4		International Journal of Urban Sustainable Development ISSN: 1946-3146	Scopus (Q1)	20	10 (1), 79-91	2018
23	The impact of government support on firm performance in Vietnam: New evidence from a dynamic approach	4		Asian Academy of Management Journal ISSN: 2180-4184	Scopus (Q3)	12	23 (2), 101-123	2018
24	The lasting effects of innovation on firm profitability: panel evidence from	4	Tác giả chính	Economic research-Ekonomska istraživanja	ISI (SSCI) (IF: 3.034)	29	32 (1), 3411-3430	2019

	a transitional economy			ISSN: 1848-9664				
25	Does government support promote SME tax payments? New evidence from Vietnam	2	Tác giả chính	Finance Research Letters ISSN: 1544-6131	ISI (SSCI) (IF: 5.596)	25	31 (c), 1-19	2019
26	Access to homebuyer credit and housing satisfaction among households buying affordable apartments in urban Vietnam	4		Cogent Economics & Finance ISSN: 2332-2039	Scopus (Q3)	2	7 (1), 1-7	2019
27	Heterogeneous impacts of provincial governance on household welfare in Vietnam	4		International journal of social welfare ISSN: 1468-2397	ISI (SSCI) (IF: 1.75)		28 (2), 229-240	2019
28	Does rising corporate social responsibility promote firm tax payments? New perspectives from a quantile approach	2	Tác giả chính	International Review of Financial Analysis ISSN: 1057-5219	ISI (SSCI) (IF: 5.373)	1	77(10),1-10	2021
29	The impact of land fragmentation on food security in the North Central Coast, Vietnam	2		Asia & the Pacific Policy Studies ISSN: 2050-2680	ISI (SSCI) (IF: 2.014)	2	8 (2), 327-345	2021
30	Does formalization increase firm investment in human capital? New evidence from Vietnam	2	Tác giả chính	Finance Research Letters ISSN: 1544-6131	ISI (SSCI) (IF: 5.596)	1	42(C), 1-8	2021

Tạp chí trong nước

31	Phân tích bất bình đẳng theo nguồn thu nhập vùng ven đô Hà Nội: Bằng chứng mới từ dữ liệu khảo sát hộ gia đình	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			211,1,45-55	2015
32	Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đến sự sống sót của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			10,449,19-27	2015
33	Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			226,4,106-117	2016
34	Tác động của chất lượng thể chế đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế Phát triển ISSN: 1859-0012			230,8,46-53	2016
35	Vai trò của tín dụng vi mô đối với phúc lợi hộ gia đình	2	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			246,12,23-30	2017
36	Sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước ở Việt Nam: Những rào cản phát triển	2		Tạp chí Quản lý kinh tế ISSN: 1859-039X			Số 82, 6, 27-35	2017
37	Vai trò của hoạt động cải tiến đến khả năng tồn tại của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	3	Tác giả Chính	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			255,9,1-10	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

38	Tác động hỗ trợ chính phủ đến hoạt động cải tiến của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam	2		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh ISSN: 2615-9287			34,4, 1-8 2018
39	Vai trò của chuyển đổi số tới nâng cao chất lượng quản trị công tại Việt Nam	3	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 299, 5, 93-102 2022
40	Vai trò của trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam: Bằng chứng mới từ hồi quy phân vị mảng	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			298,4, 2-10 2022
41	Vai trò của chính quyền số tới tính minh bạch và kiểm soát tham nhũng của chính quyền cấp tỉnh tại Việt Nam	3	Tác giả chính	Tạp chí khoa học Thương Mại ISSN: 1859-3666			3, 164, 106-116 2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **06** bài (bài số 11,19,24,25,28,30).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Vũ Văn Hưởng